TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

- Bản án số: **211**/2023/DS-ST;
- Ngày: 28/6/2023
- V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Tài**;
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: **Trương Hoàng Hoa**
2. Ông: **Nguyễn Văn Bé**

- *Thư ký phiên tòa*: bà **Võ Thị Mỹ Xuyên** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa:*

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2023/TLST- DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1968**.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang

* *Người đại diện theo ủy quyền*: **Nguyễn Thị Huỳnh B, sinh năm 1988** (có mặt)

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: **Huỳnh Thị C, sinh năm 1964** (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Trần Thị Ngọc A trình bày cũng như qua hòa giải và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Huỳnh B là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:

Chị A làm thảo hụi, chị C (tên thường gọi 8 C1) có tham gia góp hụi do chị A làm đầu thảo, cụ thể:

- Dây thứ nhất: hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui hụi ngày 15/12/2020 (nhằm ngày 30/10/2020 âm lịch), gồm 36 phần, chị C tham gia 01 phần và đã hốt hụi vào kỳ thứ 5 với số tiền 47.300.000 đồng, còn lại 14 kỳ, chị C không đóng lại hụi chết đầy đủ nên còn nợ lại 28.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui hụi ngày 21/5/2021 (nhằm ngày 10/4/2021 âm lịch), gồm 30 phần, chị C tham gia 02 phần, cụ thể:

+ Phần 1: Chị C hốt vào kỳ khui hụi thứ 2 được số tiền 41.500.000 đồng, còn lại 14 kỳ, chị C không đóng lại hụi chết đầy đủ nên còn nợ lại 28.000.000 đồng.

+ Phần 2: Chị C hốt vào kỳ khui hụi thứ 4 được số tiền 42.500.000 đồng, còn lại 14 kỳ, chị C không đóng lại hụi chết đầy đủ nên còn nợ lại 28.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui hụi ngày 25/10/2021 (nhằm ngày 20/9/2021 âm lịch), gồm 20 phần, chị C tham gia 02 phần, cụ thể:

+ Phần 1: Chị C hốt vào kỳ khui hụi thứ 7 được số tiền 42.900.000 đồng, còn lại 06 kỳ, chị C không đóng lại hụi chết đầy đủ nên còn nợ lại 18.000.000 đồng.

+ Phần 2: Chị C đóng được 13 kỳ hụi sống và số tiền chị C đã đóng là 39.000.000 đồng.

- Dây thứ 4: hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui hụi ngày 25/10/2021 (nhằm ngày 20/9/2021 âm lịch), gồm 25 phần, chị C tham gia 02 phần, cụ thể:

+ Phần 1: Chị C hốt vào kỳ khui hụi thứ 7 được số tiền 33.950.000 đồng, còn lại 11 kỳ, chị C không đóng lại hụi chết đầy đủ nên còn nợ lại 22.000.000 đồng.

+ Phần 2: Chị C hốt vào kỳ khui hụi thứ 11 được số tiền 38.200.000 đồng, còn lại 11 kỳ, chị C không đóng lại hụi chết đầy đủ nên còn nợ lại 22.000.000 đồng.

- Dây thứ 5: hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui hụi ngày 05/3/2022 (nhằm ngày 05/4/2022 âm lịch), gồm 32 phần, chị C tham gia 02 phần, cụ thể:

+ Phần 1: Chị C hốt vào kỳ khui hụi thứ 2 được số tiền 71.000.000 đồng, còn lại 23 kỳ, chị C không đóng lại hụi chết đầy đủ nên còn nợ lại 69.000.000 đồng.

+ Phần 2: Chị C đóng được 08 kỳ hụi sống và số tiền chị C đã đóng là 24.000.000 đồng.

- Dây thứ 6: hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui hụi ngày 23/7/2022 (nhằm ngày 25/6/2022 âm lịch), gồm 36 phần, chị C tham gia 02 phần, cụ thể:

+ Phần 1: Chị C hốt vào kỳ khui hụi thứ 3 được số tiền 74.900.000 đồng, còn lại 31 kỳ, chị C không đóng lại hụi chết đầy đủ nên còn nợ lại 93.000.000 đồng.

+ Phần 2: Chị C đóng được 04 kỳ hụi sống và số tiền chị C đã đóng là 12.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi chị C còn nợ là 308.000.000 đồng trừ số tiền 75.000.000 đồng đóng hụi sống và chưa hốt, chị C còn nợ là 233.000.000 đồng.

Chị A có cho chị C vay tiền nhiều lần để trả nợ, đến tháng 9/2022, tổng cộng chị C vay của chị A số tiền 170.000.000 đồng, khi vay chị C có viết giấy vay tiền của chị A và các bên có thỏa thuận miệng về lãi suất 3%/tháng và đến hạn trả nợ, chị C không trả nợ gốc cũng như nợ lãi nên chị A khởi kiện.

Chị A yêu cầu chị C trả số tiền nợ hụi 233.000.000 đồng và 170.000.000 đồng tiền vay, yêu cầu tính lãi suất 1.66% từ lúc vay tiền tháng 9/2022 đến ngày xét xử tạm tính 16.932.000 đồng đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải tại Tòa án, giữa chị C và chị A có tổng cộng lại số tiền hụi mà chị C còn nợ chị A là 224.000.000 đồng và 170.000.000 đồng tiền vay, chị A đồng ý không yêu cầu chị C trả tiền lãi đối với khoản tiền vay nhằm tạo điều kiện cho chị C trả nợ nhưng chị cũng không thực hiện.

Nay chị A yêu cầu chị C trả số tiền nợ hụi 224.000.000 đồng và 170.000.000 đồng tiền vay, yêu cầu tính lãi suất 1.66% của khoản tiền vay, tính từ lúc vay tiền tháng 9/2022 đến ngày xét xử tính tròn 08 tháng là 22.576.000 đồng đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai, qua hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Huỳnh Thị C trình bày:* Chị thừa nhận có góp hụi do chị A làm thảo hụi và chị thống nhất theo Đơn khởi kiện của chị A. Tuy nhiên về phần tiền hụi chết và cấn trừ tiền hụi sống chị chỉ còn nợ lại chị A là 224.000.000 đồng, không phải 233.000.000 đồng như chị A khởi kiện.

Chị thừa nhận có vay nhiều lần (không nhớ rõ thời gian cụ thể từng lần vay) và còn nợ chị A 170.000.000 đồng. Lúc vay, mỗi tháng chị đóng lãi 17.000.000 đồng, chị ngưng không đóng lãi từ tháng 12.2022 âm lịch đến nay nhưng không có giấy tờ chứng minh đóng lãi.

Chị đồng ý trả số nợ hụi 224.000.000 đồng và tiền vay 170.000.000 đồng nhưng do kinh tế gia đình khó khăn, chăn nuôi bị thua lỗ, không khả năng trả một lần nên xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ và xin không trả lãi số tiền vay 170.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị A khởi kiện yêu cầu chị C trả số tiền hụi và tiền vay còn nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với khoản nợ tiền hụi:

Tại phiên tòa, chị A vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc chị C trả số tiền hụi còn nợ là 224.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị A cung cấp cho Tòa án 08 (Tám) bản chính "giấy giao hụi" do chị A viết và giao chị C khi chị C hốt hụi, trong đó có ghi nhận số tiền chị C hốt hụi, có chữ ký tên, họ tên chị C ký nhận tiền và tại biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 17/4/2023 và tại phiên tòa, chị C và chị A thống nhất qua tổng kết các dây hụi chết và cấn trừ các phần hụi sống, chị C còn nợ chị A là 224.000.000 đồng tiền hụi do chăn nuôi bị thua lỗ nên chị không có tiền đóng lại hụi chết cho chị A và kéo dài đến nay là vi phạm nghĩa vụ của hụi viên theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 16, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường. Do đó, chị A khởi kiện yêu cầu chị C trả số tiền hụi 224.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Đối với khoản nợ tiền vay:

Tại phiên tòa, phía chị A vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc chị C trả số tiền vay còn nợ là 170.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị A cung cấp cho Tòa án bản chính giấy "Biên nhận" do chị C viết khi vay tiền, trong đó có ghi nhận số tiền chị C vay 170.000.000 đồng, có chữ ký tên, họ tên chị C ký nhận tiền và tại biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 17/4/2023 và tại phiên tòa, chị C cũng thừa nhận số tiền vay chị C còn nợ chị A là 170.000.000 đồng do chăn nuôi bị thua lỗ nên chị không có tiền trả cho chị A và kéo dài đến nay là vi phạm quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, chị A khởi kiện yêu cầu chị C trả số tiền vay 170.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, buộc chị C có nghĩa vụ trả chị A số tiền hụi 224.000.000 đồng và số tiền vay 170.000.000 đồng là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tính đến thời điểm xét xử vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi:

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị A yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 170.000.000 đồng, mức lãi suất 1.66%/tháng, thời gian từ 9/2022 đến ngày xét xử, tính tròn 8 tháng là 22.576.000 đồng. Chị C xin không trả lãi vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, chăn nuôi thua lỗ, không tiền trả nợ.

Xét thấy: Khi xác lập giao dịch vay tài sản, các bên có thỏa thuận miệng về lãi suất 3%/tháng, chị C vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay do đó chị A yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay chị C còn nợ 170.000.000 đồng với mức lãi suất 1.66%/tháng và thời gian nêu trên là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị C có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền lãi 22.576.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị C trình bày mỗi tháng chị đóng lãi cho chị A số tiền 17.000.000 đồng đối với khoản vay 170.000.000 đồng và ngưng đóng lãi từ tháng 12/2022 nhưng chị không có chứng cứ chứng minh trong khi chị A không thừa nhận việc này nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về thời gian trả tiền:

Chị A yêu cầu chị C trả số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị C xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì kinh tế gia đình hiện đang rất khó khăn.

Xét thấy chị A đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên và vi phạm nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng vay tài sản. Hơn nữa số nợ lớn, nếu để kéo dài sẽ gây thiệt thòi cho quyền, lợi ích của chị A nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A buộc chị C có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi, tiền vay nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[6] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 16, Điều 24, Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc A**

1. Chị Huỳnh Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Ngọc A số tiền hụi 224.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng*), tiền vay 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi của khoản tiền vay 22.576.000 đồng (*Hai mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi chị Trần Thị Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Huỳnh Thị C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Chị Huỳnh Thị C phải chịu 20.663.000 đồng án phí.

Hoàn lại cho chị Trần Thị Ngọc A số tiền 10.398.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025661 ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

(Đã ký)

Phạm Văn Tài